

Số: **1184/2021/QĐST-HNGĐ**

*B, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1635/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: tổ 19, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ liên hệ: tổ 8, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984;

Địa chỉ thường trú: tổ 19, khu phố H, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn Thị Thu M, sinh ngày 05/9/2008, Nguyễn Thị Vân K, sinh ngày 16/5/2012 và Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 22/10/2017 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục. Bà Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 12/2021 cho đến khi ba cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà T có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 0000051 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- Chi cục THA DS TP. B;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Thành Thị Thu Trang**

